TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 21-7-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Hồng Điệp

2. Ông Dương Tấn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXX–ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoàng L, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng L trình bày trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, trong quá trình tố tụng như sau:

Qua thời gian tìm hiểu, bà Trần Thị Hoàng L và ông Lê Hoàng V tổ chức lễ cưới vào ngày 21/10/2019 và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Đ, tỉnh Long An, theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/2019 ngày 21/10/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp 4, xã Tân Ân, huyện Đ, tỉnh Long An cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 01 năm đầu, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về lối sống, ông V không lo chí thú làm ăn, không nghề nghiệp, ham chơi, không quan tâm đến vợ con, đến khi vợ sinh con cũng bỏ mặt, không quan tâm. Vợ chồng đã ly thân từ năm đầu năm 2021 đến nay, bà L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, kể từ đó đến nay ông V cũng không thăm con, không liên lạc với vợ. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng V.

Về con chung: Ông Lê Hoàng V và bà Trần Thị Hoàng L chung sống có với nhau 01 con chung tên Lê Trần L Đan sinh ngày 03/12/2019, con chung hiện đang sống với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Lê Trần L Đan, tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hoàng V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V vắng mặt không rõ lý do và cũng không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L. Tòa án cũng tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tài liệu, chứng cứ bà Trần Thị Hoàng L nộp cho Tòa án bao gồm: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, 01 giấy khai sinh con chung tên Lê Trần L Đan sinh ngày 03/12/2019, bản tự khai ngày 27/4/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nơi cư trú bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Hoàng V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy báo phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng L và bị đơn ông Lê Hoàng V.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Hoàng L và ông Lê Hoàng V được xác lập vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ân, huyện Đ, tỉnh Long An theo giấy kết hôn số 62/2019 ngày 21/10/2019 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà L và ông V có

quá trình chung sống với nhau 03 năm, hạnh phúc được 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L trình bày là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về lối sống, vợ chồng thường xuyên cải vả về chuyện tiền bạc, ông V không lo chí thú làm ăn, ham chơi, bỏ mặt vợ con không quan tâm đến vợ trong cuộc sống hằng ngày kể cả lúc bà L sinh con. Vợ chồng đã ly thân đã 01 năm, bà L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, ông V cũng bỏ mặt không quan tâm đến bà L lẫn con chung. Bị đơn ông Lê Hoàng V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia xét xử nhưng ông V vẫn vắng mặt không rõ lý do, cho thấy ông V không có quan tâm, mong muốn hàn gắn với bà L. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hoàng L đối với ông Lê Hoàng V.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị Hoàng L và ông Lê Hoàng V chung sống với nhau 01 con chung tên Lê Trần L Đan sinh ngày 03/12/2019, hiện đang sống với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Lê Trần L Đan, tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, ông V không quan tâm, thăm hỏi, bỏ mặt bà L tự chăm sóc con chung từ năm 2021 đến nay. Đến khi bà L khởi kiện đến Tòa án, ông V cũng không có ý kiến phản hồi yêu cầu của bà L về con chung. Từ đó cho thấy, ông V đã không quan tâm, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ làm cha đối với con chung, mặt khác nhằm đảm bảo sự ổn định để cháu phát triển, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, giao con chung chưa thành niên Lê Trần L Đan cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình tố tụng, bà L khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Hoàng L với ông Lê Hoàng V.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hoàng L được ly hôn với ông Lê Hoàng V.

1.2 Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Hoàng L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Lê Trần L Đan sinh ngày 03/12/2019. Ông Lê Hoàng V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá V, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn V và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Hoàng L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Hoàng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006165 ngày 21/4/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An thành án phí, bà L đã nộp xong.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hải Âu